

Số: 13 /GPMT-UBND

Bình Phước, ngày 07 tháng 02 năm 2024

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 250123-CVGT ngày 25/01/2024 của Công ty TNHH STR VIETNAM về việc chỉnh sửa, bổ sung, hoàn chỉnh báo cáo đề xuất cấp phép môi trường của Dự án “Nhà máy Công ty TNHH STR VIETNAM” (Sản xuất quần áo (trang phục nội y nữ) với công suất 10.000.000 cái/năm);

Theo đề nghị của Trưởng Ban quản lý Khu kinh tế tại Tờ trình số 11/TTr-BQL ngày 31/01/2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty TNHH STR VIETNAM (sau đây gọi là Chủ dự án), địa chỉ: tại lô B4-A, B4-B, KCN Becamex - Bình Phước, phường Minh Thành, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án “Nhà máy Công ty TNHH STR VIETNAM” (Sản xuất quần áo (trang phục nội y nữ) với công suất 10.000.000 cái/năm) (sau đây gọi là Dự án), với các nội dung như sau:

#### 1. Thông tin chung của Dự án

1.1. Tên Dự án: “Nhà máy Công ty TNHH STR VIETNAM” (Sản xuất quần áo (trang phục nội y nữ) với công suất 10.000.000 cái/năm).

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô B4-A, B4-B, KCN Becamex - Bình Phước, phường Minh Thành, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 2195688582 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp chứng nhận lần đầu ngày 05/11/2019, chứng nhận điều chỉnh lần thứ hai ngày 18/10/2023.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp 3801212523 do Phòng đăng ký kinh doanh, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp đăng ký lần đầu ngày 08/11/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 20/07/2023.

1.4. Mã số thuế: 3801212523.

1.5. Loại hình sản xuất kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất quần áo (trang phục nội y nữ).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Phạm vi: Dự án được thực hiện tại lô B4-A, B4-B, KCN Becamex - Bình Phước, phường Minh Thành, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

- Tổng diện tích: 23.205,46 m<sup>2</sup>.

- Quy mô: Dự án đầu tư nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Quy mô các hạng mục công trình của Dự án:

+ Hạng mục công trình chính: Nhà xưởng, nhà văn phòng có tổng diện tích 6.230 m<sup>2</sup>.

+ Hạng mục phụ trợ: Nhà xe máy, nhà bơm, nhà bảo vệ, phòng máy phát điện, trạm biến áp, cột cờ có tổng diện tích 1.078,5 m<sup>2</sup>.

+ Hạng mục kho hóa chất và công trình bảo vệ môi trường: Nhà điều hành (Hệ thống xử lý nước thải), nhà rác và kho hóa chất có tổng diện tích 56,84 m<sup>2</sup>.

+ Cây xanh có diện tích 10.360 m<sup>2</sup>; sân, đường nội bộ có diện tích 5.480,12 m<sup>2</sup>.

- Công suất: Sản xuất quần áo (trang phục nội y nữ) với công suất 10.000.000 cái/năm.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH STR VIETNAM:

**1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020.**

**2. Công ty TNHH STR VIETNAM có trách nhiệm:**

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh Bình Phước, Ban Quản lý Khu kinh tế, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Chơn Thành, Công ty CP PTHT Kỹ thuật Becamex Bình Phước nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi khác so với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: **10 năm** (từ ngày tháng năm 2024 đến ngày tháng năm 2034).

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Giao Sở Thông tin và Truyền thông đăng công khai nội dung Giấy phép môi trường lên Cổng thông tin điện tử tỉnh và giao Ban Quản lý Khu kinh tế tiếp nhận Báo cáo công tác bảo vệ môi trường của dự án theo quy định tại Khoản 5, Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường./.

**Nơi nhận:**

- Công ty TNHH STR VIETNAM;
- Ban Quản lý Khu kinh tế;
- Sở TN&MT;
- Sở TT&TT;
- UBND thị xã Chơn Thành;
- Công ty CP PTHT Kỹ thuật Becamex Bình Phước;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT (NN-6GP<sub>0502</sub>).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



*Nguyễn Anh Minh*

## Phụ lục 1.

# NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: *15*...../GPMT-UBND  
ngày *07*/*02*/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

## A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Nước thải phát sinh từ dự án được xử lý sơ bộ đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Becamex - Bình Phước để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn theo quy định, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

Đã thỏa thuận đầu nối nước thải phát sinh từ dự án vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Becamex - Bình Phước tại các văn bản: Hợp đồng thuê đất số 05/2020/HĐTD ngày 10/01/2020 giữa Công ty TNHH STR VIETNAM và Công ty CP PTHT Kỹ thuật Becamex Bình Phước.

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục**

**1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải**

- Hệ thống thu gom, xử lý nước thải được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Mạng lưới thu gom nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt (từ các nhà vệ sinh, lavabor) của dự án với lưu lượng khoảng  $81 \text{ m}^3/\text{ngày}$  được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn (tổng dung tích  $34 \text{ m}^3$ ), sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án với công suất  $100 \text{ m}^3/\text{ngày}$  (24 giờ) để xử lý. Toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh sau khi xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) sẽ được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải (01 điểm đầu nối trên đường số D3B của KCN Becamex - Bình Phước) dẫn vào nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN Becamex - Bình Phước để tiếp tục xử lý. Tọa độ điểm đầu nối nước thải:  $X(m) = 1265830$ ;  $Y(m) = 543514$  (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến  $106^\circ 15'$ , múi chiếu  $3^\circ$ ).

+ Dự án không phát sinh nước thải sản xuất.

**1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải**

+ Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải sinh hoạt  $\rightarrow$  Bể tự hoại 3 ngăn  $\rightarrow$  Bể gom  $\rightarrow$  Bể tách dầu  $\rightarrow$  Bể điều hòa  $\rightarrow$  Bể anoxic  $\rightarrow$  Bể aerotank  $\rightarrow$  Bể lắng sinh học  $\rightarrow$  Bể khử trùng  $\rightarrow$  Đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Becamex - Bình Phước.

- + Công suất thiết kế: 100 m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ).
- + Hóa chất sử dụng: Chlorine, methanol, NaOH.
- + Chế độ vận hành: liên tục.

### **1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục**

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

### **1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố**

- Định kỳ thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và tiêu thoát nước thải.
- Trang bị phương tiện, thiết bị dự phòng cho hệ thống để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý nước thải. Thường xuyên kiểm tra đường ống, công nghệ, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.
- Tuân thủ các yêu cầu về thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo trì và bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải.
- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.
- Phối hợp với Chủ đầu tư hạ tầng KCN Becamex - Bình Phước để giám sát các thông số nước thải của nhà máy trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Becamex - Bình Phước.
- Khi có sự cố, tạm dừng công đoạn sản xuất có phát sinh nước thải để kiểm tra, khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong, hoạt động sản xuất tiếp tục khi hệ thống xử lý nước thải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

### **2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm**

Theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020 và Điểm b, Khoản 6, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

### **2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm**

Hệ thống xử lý nước thải công suất 100 m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ).

#### **2.2.1. Vị trí lấy mẫu**

Tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải của nhà máy, công suất 100 m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ), lấy tại hố ga trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Becamex - Bình Phước. Tọa độ: X(m): 1265830; Y(m): 543514 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến: 106°15', múi chiếu 3°).

#### **2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm**

Đảm bảo đạt tiêu chuẩn đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Becamex - Bình Phước (QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp, cột B).

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 40:2011/BTNMT, cột B
1	pH	-	5,5-9
2	COD	mg/l	150
3	BOD <sub>5</sub>	mg/l	50
4	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/l	100
5	Tổng photpho	mg/l	6
6	Tổng nitơ	mg/l	40
7	Amoni	mg/l	10
8	Dầu mỡ động, thực vật (*)	mg/l	-
9	Coliforms	Vi khuẩn/100ml	5.000

(\*): Dầu mỡ động, thực vật đảm bảo giá trị cho phép theo QCVN 14:2008/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

### 2.3. Tần suất lấy mẫu

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại Khoản 5, Điều 21 Thông tư số 02/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể: ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải.

### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu tiếp nhận, đầu nổi nước thải của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Becamex - Bình Phước (cột B, QCVN 40:2011/BTNMT), không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại Khoản 7 và Khoản 8, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Khoản 5, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng

KCN Becamex - Bình Phước và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.6. Thực hiện các nội dung khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

**Phụ lục 2.****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: ...A3...../GPMT-UBND ngày ..07./02./2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI****1. Nguồn phát sinh khí thải**

- Nguồn số 01: Bụi từ quá trình cắt vải.
- Nguồn số 02: Khí thải từ máy phát điện dự phòng.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải****2.1. Vị trí xả khí thải**

STT	Dòng khí thải	Vị trí xả thải	Tọa độ VN2000: Kinh tuyến: 106 <sup>0</sup> 15', múi chiều 3 <sup>0</sup>	
			X(m)	Y(m)
1	Dòng khí thải số 01	Tại ống thoát khí của máy phát điện dự phòng (nguồn số 02)	1265802	543328

Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên của Công ty TNHH STR VIETNAM, địa chỉ tại lô B4 - A, B4 - B, KCN Becamex - Bình Phước, phường Minh Thành, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

**2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:**

Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 79 m<sup>3</sup>/giờ.

**2.2.1. Phương thức xả khí thải**

Dòng khí thải số 01: Khí thải được xả ra môi trường qua ống thải (chiều cao 5,5 m, đường kính 150 mm).

**2.2.2. Chất lượng khí thải**

- Khí thải phát sinh từ 01 máy phát điện dự phòng chỉ sử dụng gián đoạn trong các trường hợp mất điện, không yêu cầu phải có hệ thống xử lý khí thải; nhiên liệu dầu DO sử dụng cho máy phát điện phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

- Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và một số chất vô cơ, cột B (hệ số  $k_p = 1,0$ ;  $k_v = 1,0$ ).



## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có)**

**1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải**

- Nguồn số 01: Bụi từ quá trình cắt vải được thu gom và dẫn về túi lọc để xử lý.

- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng xả gián đoạn ra môi trường theo ống xả tại khu vực đặt máy phát điện (dòng khí thải số 01).

**1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải**

**1.2.1. Thiết bị xử lý bụi từ quá trình sản xuất**

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khu vực phát sinh bụi (máy cắt, bàn cắt) → Ống thu gom → túi lọc.

- Số lượng hệ thống xử lý: 18 bộ thiết bị được gắn kèm đồng bộ với 18 máy cắt, bàn cắt.

- Công suất thiết kế:

+ Thiết bị thu bụi của máy cắt tự động: 03 bộ thiết bị, công suất thiết kế 2.000 m<sup>3</sup>/giờ/thiết bị.

+ Thiết bị thu bụi của bàn cắt: 15 bộ thiết bị, công suất thiết kế 720 m<sup>3</sup>/giờ/thiết bị.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: túi vải lọc.

**1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục**

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (theo quy định tại Khoản 2, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

**1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố**

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng thiết bị thu gom, xử lý bụi.

- Kiểm tra thường xuyên bộ phận thu gom, xử lý bụi và định kỳ thay thế vật liệu sử dụng nhằm đảm bảo hiệu quả xử lý.

- Khi có sự cố, tạm dừng hoạt động sản xuất để kiểm tra, khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong, hoạt động sản xuất tiếp tục khi hệ thống thu gom, xử lý bụi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

**2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

Dự án không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

3.1. Thu gom, xử lý bụi phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, bảo đảm đáp ứng quy chuẩn không khí khu vực sản xuất theo quy định.

3.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2, Phần A Phụ lục này và phải ngừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.3. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, vật liệu sử dụng bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi.

3.4. Thực hiện các nội dung khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

**Phụ lục 3.**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: ...13.../GPMT-UBND  
ngày .07./02/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 01: Máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 02: Khu vực hệ thống xử lý nước thải.
- Nguồn số 03: Khu vực cắt vải.
- Nguồn số 04: Khu vực may.
- Nguồn số 05: Khu vực đóng gói.
- Nguồn số 06: Khu vực trải vải, kéo căng.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung**

Lô B4 - A, B4 - B, KCN Becamex - Bình Phước, phường Minh Thành, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

STT	Vị trí quan trắc	Tọa độ VN2000: Kinh tuyến: 106 <sup>0</sup> 15', múi chiếu 3 <sup>0</sup>	
		X (m)	Y (m)
1	Máy phát điện dự phòng	1265802	543328
2	Khu vực hệ thống xử lý nước thải	1265867	543432
3	Khu vực cắt vải	1265760	543148
4	Khu vực may	1265795	543314
5	Khu vực đóng gói	1265772	543431
6	Khu vực trải vải, kéo căng	1265733	543131

**3. Tiếng ồn, độ rung**

Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

### 3.1. Tiếng ồn

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

### 3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

### 1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị; thường xuyên kiểm tra và bôi trơn các chi tiết chuyển động của máy móc, sửa chữa hoặc thay mới các máy móc, thiết bị hư hỏng để đảm bảo an toàn và giảm bớt tiếng ồn trong các khu vực sản xuất.

- Bố trí các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất một cách hợp lý, tránh trường hợp các máy gây ồn cao cùng hoạt động và trong cùng một khu vực sẽ gây cộng hưởng ồn, làm tăng độ ồn.

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy để khi hoạt động tránh va chạm, giảm thiểu tiếng ồn.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân viên làm việc trong khu vực có độ ồn cao.

- Áp dụng biện pháp bóc dỡ nguyên liệu và sản phẩm hợp lý, dùng các biện pháp sử dụng xe nâng để bóc dỡ, hạn chế nhập nguyên liệu vào những thời điểm có nhiều công nhân hoạt động.

### 2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

**Phụ lục 4****YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,  
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...A2...../GPMT-UBND  
ngày 07/02/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI****1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên**

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã số CTNH	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	Rắn	18 02 01	KS	960
2	Bóng đèn huỳnh quang, đèn led và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	NH	240
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	NH	300
4	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 01	KS	20
5	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 03	KS	50
6	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 02	KS	50
<b>Tổng khối lượng</b>					<b>1.620</b>

**1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh**

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Gỗ (Pallet gỗ thải)	TT-R	11 02 02	120

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
2	Vải vụn, chỉ vụn, dây chun hư, nút, bụi từ quá trình sản xuất, túi vải đã sử dụng	TT-R	10 02 10	132.300
3	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ	TT-R	18 01 05	12.120
4	Bao bì nhựa (đã chứa chất thải ra không phải là CTNH) thải	TT-R	18 01 06	10
5	Kim loại và hợp kim các loại không lẫn với CTNH (kim hư, gong áo, khuy cài hư)	TT-R	11 04 03	2.801
6	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	TT	12 06 13	12.636
<b>Tổng khối lượng</b>				<b>159.987</b>

### ***1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh***

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 283.608 kg/năm.

## **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại**

### ***2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại***

#### ***2.1.1. Thiết bị lưu chứa***

Các thùng chứa, bao bì chuyên dụng đảm bảo lưu chứa toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh.

#### ***2.1.2. Khu vực lưu chứa:***

- Diện tích khu vực: 16,2 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo: Khu vực chứa có nền xi măng, mái che bằng tôn, tường bao, có gờ, rãnh, rôn thu gom chất thải nguy hại dạng lỏng trong trường hợp tràn đổ; có biển báo, trang bị thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định.

### ***2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường***

#### ***2.2.1. Thiết bị lưu chứa***

Các thùng chứa, bao bì chuyên dụng... đảm bảo thu gom, lưu giữ toàn bộ chất thải công nghiệp thông thường phát sinh.

#### ***2.2.2. Khu vực lưu chứa***

- Diện tích khu vực: 18,7 m<sup>2</sup> (được bố trí trong khu vực lưu chứa chất thải rắn thông thường diện tích 23,7 m<sup>2</sup>).

- Kết cấu khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường: Khu vực chứa có tường bao, mái lợp bằng tôn, nền xi măng, có gờ chắn để ngăn không cho nước mưa tràn vào gây ô nhiễm.

### **2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt**

#### **2.3.1. Thiết bị lưu chứa**

Các thùng chứa, bao bì chuyên dụng... đảm bảo thu gom, lưu giữ toàn bộ chất thải sinh hoạt phát sinh.

#### **2.3.2. Khu vực lưu chứa**

- Diện tích khu vực: 5 m<sup>2</sup> (được bố trí trong khu vực lưu chứa chất thải rắn thông thường diện tích 23,7 m<sup>2</sup>).

- Thiết kế, cấu tạo: Khu vực lưu chứa có tường bao, mái lợp bằng tôn, nền xi măng, có gờ chắn để ngăn không cho nước mưa tràn vào gây ô nhiễm.

### **2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt**

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

1. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020.

3. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố theo quy định pháp luật.

4. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại Điểm b, Khoản 6, Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 2, Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

**Phụ lục 5.****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: *15*...../GPMT-UBND ngày *07*./*02*/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

1. Tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Tuân thủ các quy định về an toàn hóa chất, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp; an toàn lao động; phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì vận hành hiệu quả và các chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật.

7. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung được cấp giấy phép; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

8. Thực hiện các trách nhiệm khác về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật./.